TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 129/2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 19 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2018 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987**

Trú tại: Số C18, Tập thể V, xã V, huyện T, Hà Nội

Bị đơn: **Anh Trần Văn T, sinh năm 1976**

Trú tại: Số C18, Tập thể V, xã V, huyện T, Hà Nội

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/6/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/6/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thanh A, sinh ngày 07/6/2006 và cháu Trần An N, sinh ngày 14/10/2011. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu kể từ tháng 7/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 08915 ngày 24/4/2018. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND thị trấn Đ (đăng ký kết hôn ngày 28/10/2005);
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Thẩm phán

Trần Thị Thu Thủy